| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**Q. THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2017
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Hậu
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Phạm Thuận
2. Ông Hoàng Quốc Cường

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng*** *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07.8.2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 283/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23.8.2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Tô Thị N**, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Xóm 3, thôn Phước T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt)

* Bị đơn: Ông **Lê Trọng P1**, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Số K814/H79/14 đường C, tổ 79 phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt không có lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 29.5.2017, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Tô Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Trọng P1 xây dựng gia đình vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông P1 không tu chí làm ăn, thường xuyên đi sớm về khuya, không có trách

nhiệm với gia đình, vợ con. Hiện nay, tôi chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi, không ai còn quan tâm đến ai.

Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông P1.

- Về con chung: Tôi và ông Lê Trọng P1 có 01 (một) người con chung Lê Trọng P2, Sinh ngày 09.11.2014. Ly hôn, tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông P1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định tôi và ông Lê Trọng P1 không có tài sản chung và nợ chung.

*Về phía bị đơn ông Lê Trọng P1: Mặc dù Tòa án đã làm các thủ tục theo quy định của pháp luật để tiến hành lấy lời khai nhưng ông Lê Trọng P1 vẫn không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng trong quá trình tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án. Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị HĐXX xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Tô Thị N về việc cho bà được ly hôn với ông Lê Trọng P1.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Trọng P1 vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

* Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị N và ông Lê Trọng P1 tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Tô Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Lê Trọng P1.

[2] Xét yêu cầu của bà N thì thấy: tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" và "Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau" nhưng tại phiên toà hôm nay bà N

khẳng định không còn yêu thương ông P1 nữa. Hiện nay, bà Tô Thị N đã chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không còn quan tâm gì đến nhau. Mặt khác, mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Phi không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào thể hiện thiện chí đoàn tụ gia đình.

[3] Xét thấy giữa bà N và ông P1 hôn nhân thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn không còn nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Tô Thị N đối với ông Lê Trọng P1.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Tô Thị N xác định có 01 (một) người con chung Lê Trọng P2, Sinh ngày 09.11.2014. Ly hôn, bà N có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Lê Trọng P1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

[5] Xét thấy, nguyện vọng xin được nuôi con và yêu cầu ông P1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là hợp lý đối với việc đảm bảo cuộc sống cũng như tương lai của con, điều kiện thực tế của mỗi bên. Do đó, áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Lê Trọng P2, Sinh ngày 09.11.2014 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tô Thị N yêu cầu ông Lê Trọng P2 đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là hoàn toàn chính đáng để đảm bảo cuộc sống của con chung nên cần chấp nhận.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tô Thị N xác định ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[8] Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng bà Tô Thị N phải chịu.

[9] Án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng ông Lê Trọng P1 phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của bà Tô Thị N đối với ông Lê Trọng P1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2014, quyển số 01/2014 của UBND phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Tô Thị N và ông Lê Trọng P1 không còn giá trị pháp lý.

**2.** Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Trọng P2, Sinh ngày 09.11.2014 cho bà Tô Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Trọng P1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10.2017 và vào ngày 10 hàng tháng.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tô Thị N xác định bà và ông Lê Trọng P1 không có tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

*Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Tô Thị N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp tại biên lai thu số 7253 ngày 30.5.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Tô Thị N đã nộp đủ án phí.

*Án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Lê Trọng P1 phải chịu.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay ngày 07/9/2017.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc) niêm yết bản án tại nơi cư trú./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- UBND phường Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**